

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “02 con số” (sau đây gọi tắt là Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026);

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 109/NQ-CP);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa I) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa I);

Căn cứ Kế hoạch 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “02 con số” (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 69-KH/TU);

Căn cứ Kế hoạch số 41-KH/ĐU ngày 01/3/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, chỉ tiêu và các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu được lưu ý, nhấn mạnh tại Kết luận để tập trung triển khai thực hiện.

- Tổ chức quán triệt sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I; Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này để nâng cao về nhận thức và hành động, tạo sự đồng thuận và thống nhất; phát huy tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng tình của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I; Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I; Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh. Kế hoạch của UBND tỉnh là căn cứ để các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, đặc biệt phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10 - 10,5%/năm.

- Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và từng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong hành động, quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I; Chương trình hành động, Kế hoạch của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa I; Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện khoa học, khả thi, sát với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, theo phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

- Phát huy cao độ tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, nghiêm túc, thực chất, có hiệu quả; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp thiếu trách nhiệm, thực hiện không hiệu quả hoặc vi phạm; trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển toàn diện, lấy ổn định làm nền tảng, lấy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, lấy hạnh phúc và ấm no của Nhân dân là mục tiêu phấn đấu; đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá, là một trong những cực tăng trưởng năng động của khu vực trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Về kinh tế: Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2025 - 2030 khoảng 10 - 10,5%; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 6.700 - 7.500 USD; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt khoảng 6,5 - 7,5%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 35 - 40% GRDP.

b) Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) phần đầu đạt khoảng 0,75; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; phần đầu đến năm 2030 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) cơ bản không còn hộ nghèo; đạt 32 giường bệnh/10.000 dân, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/10.000 dân.

c) Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 46,2%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu về môi trường đạt khoảng 98%.

(Chi tiết các chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030 theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Trung ương - địa phương - doanh nghiệp - người dân; khuyến khích bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác thẩm định, góp ý văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đúng quy trình, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, nội dung văn bản hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương; nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu về tính khả thi của văn bản để khi văn bản được ban hành sẽ áp dụng được ngay trong thực tiễn sẽ góp phần giảm áp lực, chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, nâng cao hiệu quả đối với công tác “hậu kiểm” gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và tăng cường kiểm tra, giám sát.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển; khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

- Khẩn trương triển khai thực hiện tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

3. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo mô hình tăng trưởng mới dựa trên cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực

chính cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế

a) Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến; nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và phát triển thị trường nông sản; bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển nông nghiệp sinh thái. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế tiềm năng đất, biển, rừng và công trình thủy lợi. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; nghiên cứu khai thác, phát triển du lịch - dịch vụ dưới tán rừng; an ninh nguồn nước được đảm bảo. Phần đầu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,0 - 5,5%, đến năm 2030, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 28,5% - 29%.

- Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn, công nghiệp, hiện đại, bền vững; đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn dịch bệnh, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai bảo đảm nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh. Đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống đê, kè biển ở những vị trí xung yếu dọc chiều dài bờ biển của tỉnh để phòng, tránh tác động bất lợi thiên tai, bảo vệ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác quản lý vận hành công trình thủy lợi, đảm bảo có trên 75% diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng nhất là rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn; ngăn chặn, hạn chế thấp nhất tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; nâng tỷ lệ diện tích rừng trồng bằng các loài cây gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ có năng suất cao, chất lượng tốt... Lãnh đạo thực hiện tốt Kết luận số 103-KL/TW, ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Có chính sách, giải pháp phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, du lịch sinh thái dưới tán rừng, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân; phát triển thị trường tín chỉ carbon; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng và các loại lâm sản ngoài gỗ; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện tốt công tác phát triển rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng 46,2%; sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có.

- Phát triển ngành nuôi thủy sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao theo hướng nuôi tập trung công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, phát huy thế mạnh về nhu cầu của thị trường, khả năng sản xuất của tỉnh đối với các loài thủy sản

nước lạnh; quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; tận dụng các ao, hồ nhỏ kết hợp ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để mở rộng diện tích nuôi trồng với năng suất và hàm lượng khoa học công nghệ cao. Sản lượng hải sản khai thác bình quân đạt 260.000 tấn/năm; Sản lượng nuôi trồng thủy sản bình quân đạt 34.000 tấn/năm; Tôm giống bình quân đạt 30 tỷ post/năm. Phát triển nghề cá có trách nhiệm phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; quyết liệt thực hiện các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU). Tiếp tục phát huy tiềm năng thế mạnh về kinh tế biển để khai thác, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản; xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, chế biến và dịch vụ nghề cá, trung tâm thương mại về xuất khẩu hải sản của tỉnh, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển của vùng và cả nước. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ trên địa bàn tỉnh; quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Công nghiệp:

Phát triển mạnh công nghiệp có lợi thế cạnh tranh với trọng tâm là ngành chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo trở thành động lực tăng trưởng mới, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như công nghiệp chip bán dẫn, năng lượng tái tạo, năng lượng mới,... Hình thành vùng tập trung phát triển các Khu công nghiệp, cụm ngành, cụm sản xuất trong một số ngành công nghiệp ưu tiên (*chế biến khoáng sản, chế biến nông sản, thực phẩm, thiết bị, máy móc may mặc...*) tạo nền tảng và cơ sở phát triển mạnh chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị và hệ thống phân phối hàng hoá ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng. Phát triển công nghiệp gắn kết với phát triển đô thị, dịch vụ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội nông nghiệp, du lịch và khai thác tài nguyên khoáng sản theo hướng chọn lọc, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Tập trung phát triển chế biến sâu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để tăng cường thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Quan tâm đầu tư hệ thống xử lý môi trường, nước thải, rác thải và hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào các khu, cụm công nghiệp.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác bauxit, chế biến alumin, công nghiệp luyện nhôm và chế biến các sản phẩm từ nhôm theo quy hoạch để hình thành trung tâm công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm quốc gia. Tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, luyện kim, công nghiệp phụ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thu hút đầu tư các dự án khai thác và chế biến sâu titan đến năm 2030 sản phẩm tinh quặng titan đạt 160 ngàn tấn/năm, xỉ ti tan 50 - 100 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn 15 - 35 ngàn tấn/năm, Pigment 50 - 100 ngàn tấn/năm; ti tan xốp/ti tan kim loại 10 ngàn tấn/năm.

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 23/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW. Phát triển công nghiệp sản xuất điện theo quy mô công suất được phê duyệt Quy hoạch điện VIII/Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đạt công suất tăng thêm 11.901,51 MW giai đoạn 2021-2030, sớm trở thành Trung tâm năng lượng của quốc gia. Tận dụng tốt tiềm năng, cơ hội nhằm thu hút, phát triển các dự án năng lượng tái tạo, nhất là điện gió, điện mặt trời, gắn với sản xuất hydrogen, amoniac xanh; trong đó điện năng lượng tái tạo đạt 5.157,51MW. Thí điểm triển khai điện gió ngoài khơi, gắn với sản xuất hydrogen “xanh” amoniac “xanh” (*Giai đoạn 2026-2030*).

- Hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh để thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn về cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, điện khí LNG, công nghiệp chế biến, chế tạo... gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ hiện đại.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch:

- Phát triển thương mại trên cơ sở tăng cường liên kết kinh tế chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng Lâm Đồng là trung tâm phân phối hàng nông sản và các mặt hàng có thế mạnh của địa phương cho các tỉnh, thành phố trong cả nước. Thúc đẩy thương mại nội địa trên cơ sở xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại (*trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm logistics, sân bãi...*) ở các khu đô thị, khu du lịch, khu dân cư tập trung. Phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, mạng lưới chợ, nhất là khu vực nông thôn. Gắn đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại với xây dựng văn minh thương mại.

- Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, “Thanh long Bình Thuận”, “Nước mắm Phan Thiết”, “Cà phê Lâm Đồng”,...; sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia, sản phẩm xuất khẩu uy tín. Phát triển, nâng cao chất lượng, giá trị, năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có lợi thế của tỉnh. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường. Phát huy vai trò của cảng hàng không quốc tế Liên Khương, cảng hàng không Phan Thiết, bến cảng Vĩnh Tân, hệ thống giao thông liên tỉnh để phát triển hệ thống dịch vụ logistics phục vụ liên kết vùng, kết nối vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt, đường biển tạo điều kiện thuận lợi phát triển hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển, phát triển dịch vụ cảng biển gắn kết với các khu, cụm công nghiệp của địa phương. Thu hút đầu tư các loại hình hạ tầng thương mại và tính lan toả, hỗ trợ sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn

lậu, gian lận thương mại và hàng giả nhằm kiểm soát chặt chẽ giá cả và duy trì sự ổn định cho thị trường.

- Tiếp tục tái cơ cấu ngành dịch vụ, du lịch, tạo động lực phát triển mới; đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mới, chất lượng cao, gắn với ứng dụng công nghệ số, có khả năng cạnh tranh dựa trên lợi thế của tỉnh như: Du lịch canh nông, du lịch âm nhạc, du lịch mạo hiểm, du lịch thể thao, du lịch chữa bệnh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa di sản, du lịch thể thao biển, du lịch MICE và phát triển kinh tế đêm... Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, mua sắm hàng hoá. Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm môi trường du lịch xanh - sạch - đẹp, an toàn và thân thiện; kịp thời xử lý, chấn chỉnh các vấn đề liên quan đến môi trường tự nhiên và môi trường xã hội tại các khu, điểm du lịch. Xây dựng chiến lược thương hiệu du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thiết kế bộ nhận diện thương hiệu du lịch thể hiện rõ nét bản sắc riêng, giá trị cốt lõi, thông điệp truyền thông thống nhất, định vị hình ảnh điểm đến trong tâm trí du khách trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án tổ hợp đô thị - thương mại - dịch vụ - du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp gắn với dịch vụ vui chơi giải trí, thương mại, dịch vụ, thể thao...; có chiến lược, kế hoạch thu hút đầu tư, phát triển, khai thác Khu du lịch quốc gia Mũi Né, Hồ Tuyền Lâm, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, cảnh quan Tà Đùng, đặc khu Phú Quý và các khu du lịch trọng điểm, tiềm năng của tỉnh. Tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách; đồng thời chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử, danh lam thắng cảnh để phát huy giá trị, hình thành những điểm đến hấp dẫn.

d) Tài chính, ngân hàng:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, nhất là trên các lĩnh vực. Phân đầu Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân từ 10 - 11%/năm. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, chủ động cắt giảm nhiều khoản chi không cần thiết để tập trung chi đầu tư phát triển, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên; quản lý các khoản chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật.

- Triển khai áp dụng hiệu quả, đúng quy định theo Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho NSNN, đáp ứng nhu cầu huy động và bảo đảm an toàn nợ công.

- Tập trung tham mưu xử lý tài sản công đôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đúng quy định, phát huy hiệu quả, tránh lãng phí các nguồn lực.

- Triển khai, tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp để kịp thời nắm bắt, xử lý tháo gỡ khó khăn của khách hàng liên quan đến tiếp cận vốn vay; tích cực thực hiện các giải pháp chuyên đổi số, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại và kết nối khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân gắn chip để nhận biết chính xác khách hàng. Đẩy mạnh việc tuyên truyền và mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

đ) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể:

- Bí thư các cấp ủy đảng, thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (*kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách*), những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số”; ưu tiên đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành kinh tế động lực, các ngành khai thác các lợi thế của tỉnh; thu hút các tập đoàn có định hướng, chiến lược phát triển mở rộng thị trường, cam kết đầu tư lâu dài; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp FDI. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng thế mạnh của tỉnh, giới thiệu các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh; triển khai thu hút đầu tư các dự án nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư đã được phê duyệt. Bố trí quỹ đất công, ưu tiên sử dụng một phần ngân sách địa phương để tạo quỹ đất sạch; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về hạ tầng để thu hút đầu tư; chủ động lập, phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về luật đầu tư, không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất để xem xét chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi đất theo quy định để tránh gây lãng phí nguồn lực.

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc Hội, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân, Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế; triển khai thực hiện các chính sách phù hợp; tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thực hiện minh bạch, công bằng, ổn định, nhất quán và thực thi tốt đối với các cơ chế, chính sách hỗ trợ thành phần kinh tế tư nhân có thể tiếp cận được các nguồn lực về tín dụng, đất đai. Phấn đấu đến năm 2030

có khoảng 33.000 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai hiệu quả Chương trình phát triển doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mới nổi trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể của Trung ương và địa phương; tạo điều kiện để kinh tế tập thể phát triển mạnh hơn nữa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung phát triển kinh tế tập thể ở nhiều lĩnh vực, đa dạng ngành nghề, ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương, chương trình OCOP...; khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển quỹ tín dụng nhân dân theo đúng mục tiêu của loại hình quỹ tín dụng nhân dân là hợp tác xã; nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân.

4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ, tập trung nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học, công nghệ; đẩy mạnh chuyển đổi số trên các lĩnh vực; tập trung khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh tạo ra các sản phẩm có hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ số, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử.

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, hình thành trung tâm dữ liệu lớn tại tỉnh. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Hình thành các khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp và công nghệ sinh học.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; các tổ chức, địa phương ở các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến. Đẩy mạnh việc gắn kết giữa nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống thông qua áp dụng cơ chế đặt hàng.

- Chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Quyết liệt thực hiện hiệu quả Đề án ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Thí điểm và nhân rộng, phổ cập các mô hình thành công về chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng bưu chính (*logistic*), viễn thông (*hạ tầng số*) theo hướng đổi mới hệ thống quản lý, khai

thác gắn với công tác ngầm hóa và chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn toàn tỉnh; đầu tư phát triển hạ tầng với trang thiết bị, công nghệ hiện đại và cung cấp, phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ chất lượng cao; bảo đảm tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu, trong đó lấy nền tảng số quốc gia làm giải pháp đột phá.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

a) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, liên vùng và hạ tầng đô thị:

- Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch (*Gia Nghĩa-Chơn Thành, Liên Khương - Bảo Lộc - Tân Phú, Nha Trang - Đà Lạt, Gia Nghĩa - Phan Thiết,...*), các cảng biển, cảng hàng không Liên Khương, Phan Thiết; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh, các tuyến đường sắt kết nối các đô thị, các tuyến đường ven biển. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các vùng sản xuất với vùng chế biến theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt. Huy động tối đa nguồn lực trong và ngoài ngân sách và thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong xã hội, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết vùng, hạ tầng đô thị; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng giao thông quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tăng cường kết nối các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và ngành logistic, chuyển đổi năng lượng xanh; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải, logistic; Đẩy mạnh việc mở mới các đường bay quốc tế, nội địa từ cảng hàng không Liên Khương, Phan Thiết đến các quốc gia trong khu vực Asean, các quốc gia có lượng du khách lớn (*Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên Bang Nga, Châu Âu,...*) và đến các tỉnh thành phố du lịch trong nước; Tập trung phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng xanh, sạch, chất lượng cao với giá thành hợp lý, kết nối đến các trung tâm kinh tế, xã hội, các khu đô thị; các cảng hàng không, các cảng biển, ga hành khách... để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Hoàn thiện, đồng bộ hệ thống quy hoạch; triển khai có hiệu quả các quy hoạch, khởi thông điểm nghẽn, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển:

- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh) đảm bảo thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ưu tiên nguồn lực cho công tác lập quy hoạch, tập trung rà soát điều chỉnh bổ sung, lập mới quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành theo quy định đảm bảo về chất lượng, đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch trên địa bàn tỉnh để quy hoạch thật sự là động lực phát triển, tháo gỡ những điểm nghẽn trong thu hút đầu tư. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, trật tự xây dựng nhằm phục vụ tốt việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật. Triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh ở vị trí có nhiều tiềm năng, dư địa, động lực mới để phát triển quỹ đất, thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghệ cao, mở rộng không gian đô thị; có hệ thống giao thông thuận lợi trong việc kết nối tỉnh với các trung tâm kinh tế - tài chính, công nghiệp, khoa học - công nghệ và các tuyến giao thông quan trọng của quốc gia.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện nghiêm công tác quản lý đất đai theo đúng các quy hoạch đã được phê duyệt. Tập trung công tác rà soát, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến cấp xã trong phương án điều chỉnh quy hoạch tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 khi tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp, giảm tối đa việc chồng chéo, bất cập giữa các quy hoạch (*quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan*)...; Xây dựng và triển khai các định hướng, chiến lược phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư đặc biệt là phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... Hoàn thiện đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu về đất đai. Tiếp tục hoàn thiện chính sách về đất đai đảm bảo đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Thực hiện có hiệu quả các Quy hoạch về khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách tạo thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án chế biến các loại khoáng sản đúng tiến độ quy hoạch và hiệu quả, nhất là đối với các doanh nghiệp khai thác mỏ có năng lực, dự án có sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững.

c) Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới:

- Nghiên cứu hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các khu kinh tế ngang tầm khu vực và cả nước. Đẩy mạnh liên

kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị theo định hướng mới, khi thực hiện sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng đô thị. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng, phát triển đô thị mới, đô thị biển, đô thị sân bay Phan Thiết, khơi thông nguồn lực, phát triển kinh tế đô thị đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường; xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư, tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường khai thác, sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Thực hiện ngầm hóa toàn bộ các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại trung tâm các đô thị. Huy động các nguồn lực để triển khai Chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở và triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp” do Thủ tướng Chính phủ ban hành phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương (dự kiến giai đoạn 2025-2030 tỉnh Lâm Đồng triển khai 14.502 căn hộ theo chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 07/NQ-CP của 12/01/2026 của Chính phủ).

- Tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; tổ chức rà soát, phân loại địa bàn để tập trung, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, lồng ghép chương trình, khuyến khích đầu tư tư nhân và hợp tác công - tư nhằm triển khai toàn diện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, nhất là các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời phát huy vai trò lan tỏa của các khu vực có điều kiện thuận lợi. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bao trùm, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; huy động hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực. Phân đầu đến 2030, có trên 92⁽¹⁾ xã đạt chuẩn nông thôn mới. Gắn xây dựng nông thôn mới với phát triển đô thị; hình thành hệ thống đô thị - nông thôn bền vững, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

a) Văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao:

¹⁾ Hiện nay Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 khác với các định hướng, hướng dẫn trước đây; do đó, sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan thì sẽ điều chỉnh chỉ tiêu thực hiện đến 2030 toàn tỉnh phân đầu có ít nhất 42 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm khoảng 40% và có từ 01 đến 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại, chiếm khoảng 1,9%.

Phát triển văn hóa phải đặt ngang hàng với phát triển kinh tế chính trị, xã hội. Tham mưu triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 08/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị. Ưu tiên bố trí ngân sách và lồng ghép các nguồn lực đầu tư để thực hiện hiệu quả đúng lộ trình Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 theo Nghị quyết 162/2024/QH15 của Quốc hội. Khai thác và phát triển tiềm năng về công nghiệp văn hóa đặc biệt là các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh - triển lãm, kiến trúc, điện ảnh, ... thu hút đầu tư xã hội hóa lĩnh vực văn hóa; phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Phát huy vai trò cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo, bảo tồn lễ hội, các hoạt động văn hóa dân gian, các nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia gắn với xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng văn hóa người Lâm Đồng đảm bảo thống nhất trong đa dạng; thực hiện đồng bộ chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, góp phần vừa phục hồi, bảo tồn, phát huy nhiều giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư các thiết chế thể thao, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tập luyện của người dân từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng các cơ chế chính sách thông thoáng, phù hợp với tình hình của từng địa phương để thu hút, kêu gọi đầu tư vào hoạt động xã hội hóa thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao, tập trung đào tạo, huấn luyện đối với các đội tuyển tỉnh và tuyển trẻ của các môn thể mạnh, đồng thời nâng cao chất lượng hệ thống các giải thể thao quần chúng, từ cấp tỉnh đến cơ sở, làm cơ sở để tuyển chọn, bổ sung lực lượng vận động viên vào tuyển năng khiếu của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong thể thao, đẩy mạnh áp dụng thành tựu khoa học công nghệ trong công tác đào tạo, huấn luyện và thi đấu. Phấn đấu đến năm 2030, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ trên 40% dân số của tỉnh; số gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt tỷ lệ trên 30% số hộ gia đình trong tỉnh.

b) Y tế:

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ về một số giải pháp đột phá, tăng cường

bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW. Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới y tế theo hướng kết hợp hài hòa giữa y tế dự phòng - dân số và khám bệnh, chữa bệnh, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại, giữa y tế cơ sở và y tế chuyên sâu, giữa y tế lực lượng vũ trang và dân y đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Triển khai Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện công tác chuyển đổi số y tế, triển khai thực hiện sổ khám sức khỏe điện tử. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế thực hiện các hoạt động y tế chuyên sâu, đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật cao. Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh thành bệnh viện khu vực có khả năng thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao, phát triển một số chuyên khoa sâu, mũi nhọn đáp ứng yêu cầu đặc thù của địa phương. Thu hút đầu tư các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, điều dưỡng, các trung tâm chẩn đoán chất lượng cao, cơ sở cung cấp dịch vụ y tế dự phòng - dân số tư nhân và các cơ sở xã hội hóa tại các đô thị trung tâm để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, du lịch nghỉ dưỡng cho Nhân dân và du khách. Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh đạt 32 giường bệnh/10.000 dân và 11 bác sỹ/10.000 dân, tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân trên 95%.

c) An sinh xã hội:

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện việc huy động các nguồn lực xã hội và lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo vào các chương trình có cùng mục tiêu để đem lại hiệu quả cao và bền vững.

d) Thực hiện chính sách dân tộc, công tác dân tộc, công tác tín ngưỡng tôn giáo:

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từng bước đầu tư mới, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa,...vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt các vấn đề về dân di cư tự phát, thiếu đất ở, đất sản xuất của người dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy dân chủ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; huy động sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc xây dựng chính sách và thụ hưởng chính sách về dân tộc.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo, tín ngưỡng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo cho Nhân dân và chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tín đồ tôn giáo. Tăng cường mối quan hệ giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể với các tổ chức tôn giáo nhằm phát huy vai trò, vị trí của chức sắc, tổ chức tôn giáo trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

đ) Thông tin, truyền thông:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, phát thanh - truyền hình và thông tin điện tử; nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin tuyên truyền và công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh. Thực hiện tốt công tác định hướng thông tin truyền thông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới.

Tuyên truyền các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, dỡ bỏ các thông tin xấu, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên môi trường mạng. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

7. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục hiện đại, phát triển:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo, nguồn nhân lực theo hướng liên kết vùng, hiện đại, hội nhập, lấy chất lượng làm trung tâm, gắn đào tạo với sử dụng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh mới, phát triển giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Thu hút, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư; phát triển hệ thống trường ngoài công lập theo hướng đạt chuẩn Quốc tế và trường chất lượng cao, nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh và công tác xóa mù chữ; tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên từ bậc học phổ thông; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục rà soát, tập trung đầu tư cơ sở vật chất mạng lưới trường học, lớp học từ mầm non đến phổ thông theo hướng hiện đại, tiên tiến, đạt chuẩn quốc gia... Đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực, xã hội hoá trong thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng giáo dục; tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, giảm áp lực đầu tư công; thu hút đầu tư các trung tâm, trường học chất lượng cao tại các xã, phường.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng thị trường lao động linh hoạt, gắn đào tạo với sử dụng; tập trung giải quyết việc làm bền vững, đặc biệt là việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi lao động. Đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông.

Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài; chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, kinh tế số; quan tâm đào tạo các ngành, lĩnh vực theo nhu cầu của thị trường, nhất là những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng; tăng cường tuần tra, kiểm soát và áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với hành vi gây ảnh hưởng đến tài nguyên rừng; tổ chức trồng, phục hồi rừng đã bị suy thoái và bảo vệ các loài cây đặc trưng của hệ sinh thái rừng.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trong bối cảnh phát triển bền vững và liên kết vùng; Phát triển, nhân rộng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, sản xuất sạch hơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên trong các ngành, lĩnh vực; đầu tư đổi mới công nghệ thân thiện môi trường, nâng cao tiêu chuẩn sản xuất - kinh doanh xanh xây dựng tỉnh Lâm Đồng mở rộng trở thành địa phương đi đầu khu vực Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển kinh tế xanh, thích ứng biến đổi khí hậu.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030; tập trung kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư, hoàn thiện hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải đô thị, nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường sau cấp phép.

9. củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển

a) Quốc phòng: Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia. Củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và nền biên phòng toàn dân vững mạnh gắn với thể trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, dự bị động viên vững mạnh, hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh biên giới; xây dựng khu vực phòng thủ tuyến ven biển, bảo vệ vững chắc toàn vẹn chủ quyền Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) An ninh, trật tự an toàn xã hội: Chủ động công tác nắm, phân tích, dự báo tình hình, phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ, bị động trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội; hoạt động của các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế và các hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương. Triển khai lực lượng, biện pháp chủ động thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, thực hiện đạt mục tiêu kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội hàng năm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, thực hiện và khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước phục vụ công tác quản lý xã hội, xây dựng chính phủ số, xã hội số,... Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chủ động các biện pháp phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ.

10. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả:

a) Phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tăng cường quan hệ, thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết và mở rộng thiết lập quan hệ mới với các đối tác tiềm năng tại Châu Âu, Mỹ. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về các hiệp định, thỏa thuận quốc tế (MOU) và hệ thống quản lý đoàn ra/đoàn vào để tối ưu hóa quy trình thủ tục hành chính.

b) Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế.

c) Xây dựng hoạt động đối ngoại theo chiều sâu, toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; ngoại giao kinh tế là trung tâm. Phối hợp tham mưu UBND tỉnh khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA,

RCEP...) để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh của tỉnh (nông sản, hoa, trà, cà phê). Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương kết nối với chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các tổ chức quốc tế và cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về Giáo dục, Y tế, Khoa học công nghệ và đặc biệt là Phát triển xanh, ứng phó biến đổi khí hậu phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh.

d) Nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế và văn hóa: Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hoá và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương. Chủ động kết nối, "gõ cửa" các tập đoàn đa quốc gia, các tổ chức tài chính quốc tế để vận động ODA, NGO và thu hút FDI chất lượng cao vào các lĩnh vực hạ tầng, nông nghiệp công nghệ cao. Thực hiện tốt vai trò "cầu nối" để giải quyết các vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài tại tỉnh.

e) Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền biên giới lãnh thổ, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển, đảo; bảo đảm an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông theo đúng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; xây dựng, củng cố đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác phát triển.

11. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Cải cách hành chính: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Đảng và chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực cải cách hành chính trọng tâm. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện phần đầu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, tinh gọn, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các sở, ban, ngành. Nâng cao chất lượng phục vụ, gắn với việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

b) Xây dựng chính quyền: Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp sau bầu cử theo đúng quy định. Tiếp tục kiện toàn bộ máy chính quyền hai cấp sau sắp xếp đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với tiếp tục sắp xếp tinh giảm biên chế đảm bảo tinh gọn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình mới.

c) Công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thanh tra; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Thanh tra. Tăng cường công tác lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác thanh tra. Hoạt động thanh tra thực hiện đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trình tự, thủ tục pháp luật quy định; nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh

sai phạm, tham nhũng, tiêu cực, dư luận xã hội quan tâm; tăng cường xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các cấp, các ngành triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phối hợp, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở; thực hiện tốt quy định tiếp công dân của người đứng đầu; kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài, hạn chế phát sinh “điểm nóng”, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện nghiêm, đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trọng tâm là các quy định về kiểm soát quyền lực, quản lý tài chính công, tài sản công; chú trọng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong khu vực ngoài nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

*(Chi tiết các nhiệm vụ, đề án, chương trình theo **Phụ lục 2** đính kèm)*

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

a) Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I; Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đơn vị để triển khai thực hiện.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung được phân công chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch và Phụ lục Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu theo phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị.

c) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm, trí tuệ, nỗ lực phấn đấu, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, gắn chặt với việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn, các phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị và việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

d) Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc khó khăn, vướng mắc phát sinh.

d) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) và đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) trước ngày 15/6 và 15/12 hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

2. Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ (trước ngày 25/6 và 25/12 hằng năm) hoặc đột xuất về kết quả thực hiện Kế hoạch này và các nội dung phát sinh, khó khăn, vướng mắc (nếu có) để được xem xét, giải quyết.

3. Sở Nội vụ theo dõi kết quả thực hiện Kế hoạch này làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu Phú Quý.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

(Kế hoạch này thay thế Chương trình hành động số 4484/CTr-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng)./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên